ĐỀ 01	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: (3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Câu 1. Kết quả của phép tính: 134 × 5 là:

A. 650 **B.** 670 **C.** 660 **D.** 680

Câu 2. Kết quả của phép tính: 549 : 9 là:

A. 601 **B.** 16 **C.** 61 **D.** 46

Câu 3. 5hm 4m = …….m. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

A. 54 **B.** 45 **C.** 540 **D.** 504

Câu 4. Một hình chữ nhật có chiều dài 36cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài. Chiều rộng hình chữ nhật là:

A. 90cm **B.** 9cm **C.** 45cm **D.** 101cm

Câu 5. Một phép chia có số dư lớn nhất là 4. Số chia là:

A. 5 **B.** 6 **C.** 7 **D.** 8

Câu 6. Hình sau có số góc vuông là:

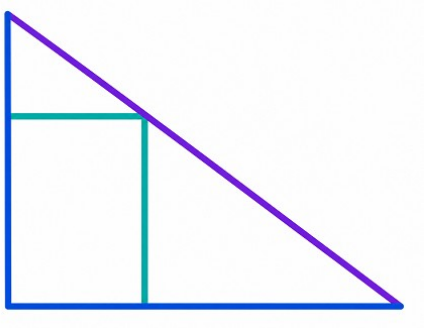

A. 5 **B.** 6 **C.** 7 **D.** 8

II. Tự luận: (7 điểm)

Câu 7. Tìm y: (2 điểm)

a. 243 : x = 341 - 338

b. x × 6 = 28 + 8

……

……

……

……

……

Câu 8. Hùng có 68 viên bi, Hùng cho Tú $\frac{1}{4}$ số bi của mình. Hỏi sau khi cho, Hùng còn lại bao nhiêu viên bi? (2 điểm)

Bài giải:

……
……
……
……
……
……

Câu 9. Bình có 34 quyển vở, số quyển vở của Ngọc gấp 3 lần số quyển vở của Bình. Tính tổng số quyển vở của Ngọc và Bình? (2 điểm)

Bài giải:

……
……
……
……
……
……

Câu 10. Tìm x biết: x : 5 : 2 = 15

……
……
……
……

ĐỀ 02	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm:

Câu 1. Chữ số 8 trong số 689 có giá trị là:

A. 8 **B.** 80 **C.** 800

Câu 2. Giá trị của biểu thức 56 : 7 + 46 là:

A. 50 **B.** 54 **C.** 56

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 4hm 7m = …..m:

A. 407 **B.** 470 **C.** 47

Câu 4. Hình ABCD có số góc vuông là:

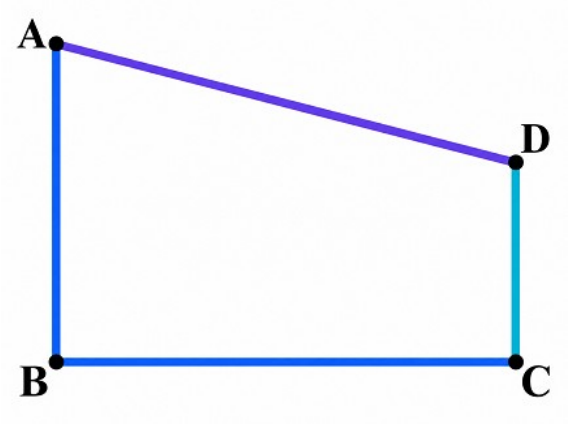

A. 2 **B.** 3 **C.** 4

Câu 5. 134 × 7 = … Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 936 **B.** 948 **C.** 938

Câu 6. Gấp 12 lên 6 lần ta được số:

A. 2 **B.** 70 **C.** 72

II. Tự luận:

Câu 7. Đặt tính rồi tính:

a. 131 + 139 b. 325 - 139 c. 107 × 8 d. 364 : 4

……
……
……
……

……

Câu 8. Một quyển truyện dày 136 trang. An đã đọc được $\frac{1}{4}$ số trang đó. Hỏi còn bao nhiêu trang sách nữa mà An chưa đọc?

Bài giải:

……
……
……
……
……
……

Câu 9. Tìm x:

a. x × 5 - 9 = 476

b. x : 7 = 72 - 59

……
……
……
……
……

ĐỀ 03	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm:

Câu 1. Số chẵn lớn nhất có 3 chữ số mà tổng các chữ số bằng 11 là:

A. 911 **B.** 902 **C.** 920 **D.** 922

Câu 2. Trong các số 357; 339; 597; 539, số lẻ nhỏ nhất là:

A. 357 **B.** 339 **C.** 597 **D.** 539

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 3m 19cm = ……cm:

A. 319 **B.** 49 **C.** 94 **D.** 391

Câu 4. Kết quả của phép tính 546 + 248 là:

A. 790 **B.** 794 **C.** 784 **D.** 708

Câu 5. 19 lít gấp lên 5 lần là:

A. 90 lít **B.** 105 lít **C.** 100 lít **D.** 95 lít

Câu 6. Mẹ có 36 quả cam, mẹ cho bà $\frac{1}{2}$ số quả cam. Vậy mẹ cho bà số quả cam là:

A. 28 quả **B.** 18 quả **C.** 72 quả **D.** 62 quả

II. Tự luận:

Câu 7. Tính giá trị của biểu thức:

a. 345 + 87 : 3 =

b. (475 - 384) × 3 =

……
……
……
……
……

Câu 8. Tìm x:

a. x : 5 = 14 (dư 2)

b. 89 : x = 8 (dư 1)

……
……
……
……
……

Câu 9. Năm nay mẹ 36 tuổi, con ít hơn mẹ 30 tuổi. Hỏi tuổi mẹ gấp mấy lần tuổi con?

……

……
……
……
……
……

Câu 10. Khu đất hình chữ nhật có chiều rộng 124m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính chu vi khu đất đó?

……
……
……
……
……
……

Câu 11. Hình bên có bao nhiêu hình vuông?

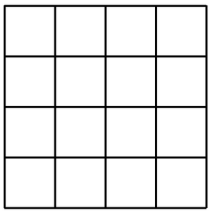

……
……
……

ĐỀ 04	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm:

Câu 1. 74 : x = 8 (dư 2). Giá trị của x là:

A. 7 **B.** 8 **C.** 9 **D.** 10

Câu 2. 5m 4dm = ……cm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 54 **B.** 504 **C.** 540 **D.** 450

Câu 3. Bạn Minh có 45 viên bi, Minh cho Hùng $\frac{1}{9}$ số bi. Hỏi Minh còn lại bao nhiêu viên bi?

A. 5 viên bi **B.** 40 viên bi **C.** 31 viên bi **D.** 36 viên bi

Câu 4. Số dư của phép chia 389 : 7 là:

A. 4 **B.** 5 **C.** 6 **D.** 3

Câu 5. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng 30cm, chiều dài gấp 2 lần chiều rộng. Chu vi của hình chữ nhật là:

A. 60 **B.** 60m **C.** 180cm **D.** 180m

Câu 6. Trong hình vẽ bên có số góc vuông là:

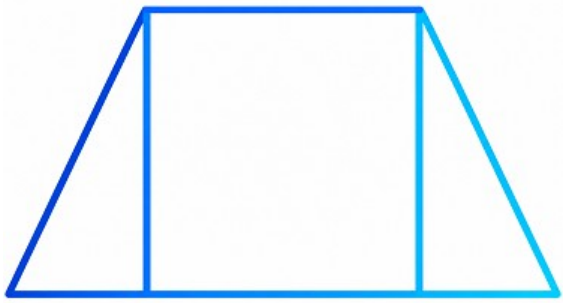

A. 4 **B.** 5 **C.** 6 **D.** 7

II. Tự luận:

Câu 7. Đặt tính rồi tính:

a. 665 + 245 b. 600 - 387 c. 284 × 3 d. 780 : 4

……
……
……
……
……

Câu 8. Tìm x:

a. x × 9 + 273 = 363 b. x : 7 = 123 c. x - 384 + 124 = 173

……
……
……
……
……
……

Câu 9. Một hình chữ nhật có chiều dài 144cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Tính chu vi hình chữ nhật đó?

……
……
……
……
……
……

Câu 10. Tìm số bị chia trong phép chia có dư, biết thương là 7 và số chia là 4, số dư là số dư lớn nhất có thể.

……
……
……
……
……

ĐỀ 05	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: (3 điểm)

Câu 1. Kết quả của phép tính 342 : 9 là:

A. 48 **B.** 38 **C.** 28 **D.** 40

Câu 2. Có 135 chiếc kẹo được chia đều vào 5 túi. Hỏi 8 chiếc túi như thế đựng được bao nhiêu chiếc kẹo?

A. 206 chiếc kẹo **B.** 226 chiếc kẹo **C.** 216 chiếc kẹo **D.** 236 chiếc kẹo

Câu 3. Một đường gấp khúc gồm hai đoạn thẳng AB và B**C.** Biết độ dài đoạn thẳng AB bằng 10cm và dài gấp 2 lần độ dài đoạn thẳng B**C.** Độ dài đường gấp khúc đó là:

A. 12cm **B.** 8cm **C.** 15cm **D.** 5cm

Câu 4. Số gồm 4 chục, 3 trăm, 5 đơn vị được viết là:

A. 435 **B.** 345 **C.** 543 **D.** 534

Câu 5. Kết quả của phép tính 234 × 2 - 129 là:

A. 320 **B.** 340 **C.** 329 **D.** 339

Câu 6. 7 lần của 49 lít là:

A. 343 lít **B.** 7 **C.** 343 **D.** 7 lít

II. Tự luận: (7 điểm)

Câu 7. Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

a. 345 + 219 b. 274 - 198 c. 167 × 3 d. 184 : 3

……
……
……
……
……

Câu 8. Tính: (1 điểm)

a. 56dm : 8 = …… b. 9kg × 7 : 3 = …… c. 14km : 2 + 148km = …… d. 500kg : 2 - 150kg = ……

……
……
……

Câu 9. Tìm x: (1 điểm)

a. x : 112 = 8 b. 240 : x + 1 = 81 : 9

……
……
……
……
……

Câu 10. Một cửa hàng có 165kg gạo. Sau khi bán 45kg gạo, người đó san đều số gạo còn lại vào 8 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam gạo? (2 điểm)

……
……
……
……
……
……
……

Câu 11. Hình vẽ sau có bao nhiêu hình tam giác, bao nhiêu hình tứ giác? (1 điểm)

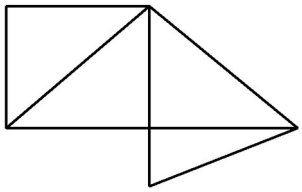

……
……
……
……

ĐỀ 06	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm:

Câu 1. 7m 50cm = ….cm. Số cần điền là:

A. 750 **B.** 705 **C.** 507 570

Câu 2. Chu vi của hình chữ nhật có chiều rộng là 40cm, chiều dài gấp đôi chiều rộng là:

A. 80cm **B.** 120cm **C.** 240cm **D.** 60cm

Câu 3. Tích của hai số là 456, biết thừa số thứ nhất là 3. Thừa số thứ hai là:

A. 150 **B.** 152 **C.** 112 **D.** 102

Câu 4. Số lớn nhất nhỏ hơn 345 là:

A. 999 **B.** 343 **C.** 344 **D.** 1000

Câu 5. Hình dưới đây có:

A. 4 tam giác và 3 tứ giác. **B.** 4 tam giác và 5 tứ giác.

C. 5 tam giác và 4 tứ giác. **D.** 5 tam giác và 5 tứ giác.

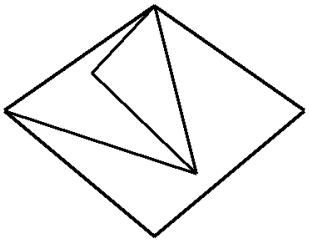

Câu 6. An có 49 quyển vở, Số vở của Bình bằng $\frac{1}{7}$ số vở của An. Hỏi Bình có bao nhiêu quyển vở?

A. 7 quyển vở **B.** 54 quyển vở

C. 343 quyển vở **D.** 50 quyển vở

II. Tự luận:

Câu 7. Đặt tính rồi tính:

a. 243 – 198 b. 8 × 34 c. 879 : 3 d. 765 : 9

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 8. Tìm x biết:

a. 122 : x = 98 – 96 b. 47 : x = 3 (dư 2)

.....
.....

.....

.....

Câu 9. Hùng có 24 quyển truyện. Sau khi Hùng cho em $\frac{1}{6}$ số quyển truyện mình có thì Hùng còn lại bao nhiêu quyển truyện?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Tìm số có hai chữ số có tích các chữ số là 18 và hiệu giữa chữ số hàng chục và hàng đơn vị là 7.

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 07	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: (4 điểm)

Bài 1. Trong phép chia có dư với số chia là 5, số dư lớn nhất có thể có trong phép chia đó là:

A. 3 **B.** 4 **C.** 5 **D.** 6

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức: 105 + 45 : 9

A. 16 **B.** 17 **C.** 110 **D.** 100

Bài 3. Tìm số dư trong phép chia: 50 : 7

A. 1 **B.** 5 **C.** 3 **D.** 2

Bài 4. 9km 30dam = ...hm. Số thích hợp viết vào chỗ chấm là:

A. 930 **B.** 903 **C.** 93 **D.** 39

II. Tự luận: (6 điểm)

Bài 5. Đặt tính rồi tính (2 điểm)

a. 902 – 379 b. 236 × 4 c. 928 : 4 d. 799 : 3

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6. Một cửa hàng buổi sáng bán được 70 chiếc xe, số chiếc xe bán được trong buổi chiều nhiều gấp 3 lần so với buổi sáng. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc xe? (1 điểm)

Bài giải:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 7. Một hình chữ nhật có chiều dài 36m, chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài. Tính chu vi hình chữ nhật đó. (2 điểm)

Bài giải:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 8. Tìm số bé nhất có 3 chữ số khác nhau lập được từ các số: 0; 3; 7; 9. (1 điểm)

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 08	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm:

Câu 1. Kết quả của biểu thức 96 : 3 + 12 là:

A. 42 **B.** 44 **C.** 34 **D.** 15

Câu 2. $\frac{1}{3}$ của 57m là:

A. 17 **B.** 18 **C.** 19 **D.** 20

Câu 3. Chu vi của một mảnh vườn hình vuông có độ dài cạnh 12m là:

A. 24m **B.** 48m **C.** 12m **D.** 6m

Câu 4. 7m 5dm = …cm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 75 **B.** 705 **C.** 507 **D.** 750

Câu 5. … : 3 = 43. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 129 **B.** 110 **C.** 11 **D.** 12

Câu 6. Hình sau có số góc vuông là:

A. 4 **B.** 5 **C.** 6 **D.** 7

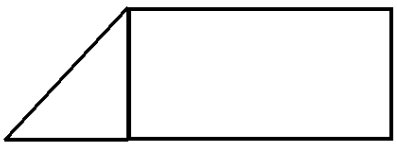

II. Tự luận:

Câu 7. Đặt tính rồi tính:

a. 436 × 2 b. 951 : 3 c. 567 : 4

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Tính giá trị của biểu thức:

a. 134 × (78 – 75)

b. (690 – 234) : 8

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Trong vườn có 48 cây bưởi. Số cây cam ít hơn số cây bưởi 40 cây. Hỏi số cây bưởi gấp mấy lần số cây cam?

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Tổng của hai số gấp 3 lần số hạng thứ nhất, biết số hạng thứ nhất là 48. Tìm số hạng thứ hai.

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 09	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: (4 điểm)

Câu 1. 9hm 7m = ….m. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 97 **B.** 970 **C.** 907 **D.** 79

Câu 2. Kết quả của phép tính 405 : 3 + 2 là:

A. 81 **B.** 135 **C.** 87 **D.** 137

Câu 3. Năm nay Lan 8 tuổi, mẹ hơn Lan 24 tuổi. Hỏi năm nay tuổi Lan bằng một phần mấy tuổi mẹ?

A. 1/3 **B.** 1/2 **C.** 1/4 **D.** 1/6

Câu 4. Cho một số, biết số đó chia 6 dư 4. Vậy khi chia số đó cho 2 thì số dư là:

A. 0 **B.** 1 **C.** 2 **D.** 3

II. Tự luận:

Câu 5. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: (1,5 điểm)

a. 80dam 6m = ….m; b. 5l + 27l = ….; c. 1/3 của 12 giờ là ….

Câu 6. Tìm x: (1 điểm)

a. x : 7 = 25 + 29 b. 405 – x = 234 : 2

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 7. Cô giáo có 35 quyển vở. Cô giáo phát phần thưởng cho học sinh hết $\frac{1}{5}$ số vở đó. Hỏi cô giáo còn lại là bao nhiêu quyển vở? (2 điểm)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Tính chu vi của một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng 6m, chiều dài gấp 5 lần chiều rộng. (1 điểm)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Tìm một số biết rằng lấy số đó nhân với 3 rồi cộng với 64 thì được kết quả là 88? (0.5 điểm)

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 10	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: (3 điểm)

Câu 1. Kết quả của phép tính 103 × 9 là:

A. 107 **B.** 907 **C.** 917 **D.** 927

Câu 2. Có 56 lít dầu chứa đều trong 8 can. Hỏi 7 can chứa được bao nhiêu lít dầu?

A. 49 lít **B.** 50 lít **C.** 1 lít **D.** 448 lít

Câu 3. Trình tự sắp xếp thứ tự từ bé đến lớn của các số 78; 192; 496; 385; 981; 108 là:

A. 192; 108; 385; 496; 78; 981 **B.** 78; 108; 192; 385; 496; 981

C. 108; 192; 385; 496; 78; 981 **D.** 192; 496; 385; 108; 78; 981

Câu 4. Cho hình chữ nhật có chiều dài 50m, chiều rộng bằng 1/5 chiều dài. Chu vi hình chữ nhật là:

A. 60m **B.** 120m **C.** 240m **D.** 250m

Câu 5. Giá trị của biểu thức 234 + 123 × 3 là:

A. 1000 **B.** 603 **C.** 630 **D.** 970

Câu 6. Hình vẽ có:

A. 3 tam giác và 1 tứ giác. **B.** 3 tam giác và 2 tứ giác.

C. 4 tam giác và 1 tứ giác. **D.** 4 tam giác và 2 tứ giác.

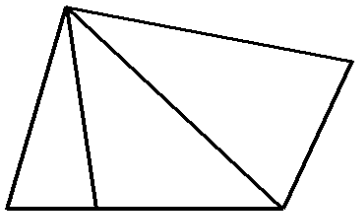

II. Tự luận: (7 điểm)

Câu 7. Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

a. 688 – 209 b. 249 + 556 c. 148 × 4 d. 750 : 6

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 8. Tìm x: (2 điểm)

a. x : 7 = 104 – 3 b. 559 – x = 289 – 5

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 9. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

a. 3m5dm = ……cm; b. 4hm 40m = …..m; c. 8dam 50dm = …….m;

Câu 10. Một đàn gà có 40 con gà trống, số gà mái bằng $\frac{1}{8}$ số gà trống. Hỏi đàn gà có bao nhiêu con gà trống và gà mái? (2 điểm)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 11	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: Hãy khoanh tròn vào chữ cái A, B, C, D đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Kết quả của phép tính 78 : 6 là:

A. 11 **B.** 12 **C.** 13 **D.** 14

Câu 2. $\frac{1}{8}$ của 104kg là:

A. 832kg **B.** 832 lít **C.** 13 lít **D.** 13kg

Câu 3. Giá trị biểu thức: 976 : 8 + 1 là:

A. 120 **B.** 122 **C.** 123 **D.** 124

Câu 4. Số góc vuông có trong hình vẽ là:

A. 9 **B.** 7 **C.** 6 **D.** 8

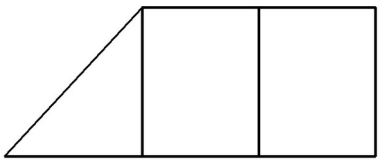

Câu 5. … : 4 = 24. Điền vào chỗ chấm?

A. 6 **B.** 98 **C.** 96 **D.** 12

Câu 6. Cạnh của hình vuông biết chu vi bằng 36cm là:

A. 13cm **B.** 9cm **C.** 6cm **D.** 1cm

II. Tự luận:

Câu 7. Tính:

a. 395 + 437 b. 597 - 248 c. 154 × 4 d. 495 : 5

……
……
……
……
……

Câu 8. Tìm x:

a. 456 : x = 4 b. x × 7 = 200 - 25

……
……
……
……

Câu 9. Cuộn dây điện dài 64m được cắt thành 8 đoạn dây bằng nhau. Hỏi cuộn dây 720m thì được cắt thành bao nhiêu đoạn dây như thế?

……
……

……
……
……
……

Câu 10. Hùng đang nghĩ tới một số có ba chữ số, biết rằng số tròn chục lớn nhất có ba chữ số nhiều hơn số đó là 348 đơn vị. Tìm số Hùng nghĩ.

……
……
……
……
……

ĐỀ 12	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: Hãy khoanh tròn vào chữ cái A, B, C, D đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Kết quả của phép tính 125 + 345 : 5 là:

A. 194 **B.** 470 **C.** 450 **D.** 94

Câu 2. $\frac{1}{8}$ của 56 lít là:

A. 8 **B.** 8 lít **C.** 7 **D.** 7 lít

Câu 3. Một quả tạ nặng 35kg. 5 quả như thế nặng số ki-lô-gam là:

A. 155 **B.** 175 **C.** 165 **D.** 255

Câu 4. Số góc vuông có trong hình vẽ là:

A. 5 **B.** 7 **C.** 6 **D.** 8

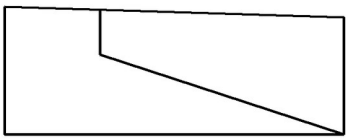

Câu 5. 7m 5dm = …cm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 75 **B.** 57 **C.** 750 **D.** 705

Câu 6. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 35m, chiều rộng bằng $\frac{1}{5}$ chiều dài. Chu vi mảnh vườn hình chữ nhật là:

A. 84m **B.** 42m **C.** 40m **D.** 80m

II. Tự luận:

Câu 7. Tính:

a. 444 - 364 b. 243 + 139 c. 5 × 153 d. 584 : 4

……
……
……
……
……

Câu 8. Tìm y:

a. y : 32 = 5 + 3

b. y × 5 = 100 - 45

……
……
……
……

Câu 9. Một cửa hàng có 567kg gạo, người ta bán đi 87kg. Số còn lại đóng đều vào 8 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

……
……
……
……
……
……

Câu 10. Thêm dấu ngoặc đơn vào biểu thức sau để được biểu thức mới có giá trị bằng 110.

50 - 5 × 4 - 70

……
……
……
……

ĐỀ 13	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: (3 điểm)

Câu 1. Kết quả của phép tính (81 + 15) : 8 + 4 là: (0,5 điểm)

A. 12 **B.** 16 **C.** 20 **D.** 24

Câu 2. Một hình chữ nhật có chiều rộng bằng 23cm, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Chu vi hình chữ nhật là: (1 điểm)

A. 69cm **B.** 92cm **C.** 138cm **D.** 184cm

Câu 3. 4hm 5m = ….m. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: (0,5 điểm)

A. 405 **B.** 45 **C.** 450 **D.** 54

Câu 4. Hình vẽ sau có …. hình tứ giác. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: (0,5 điểm)

A. 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

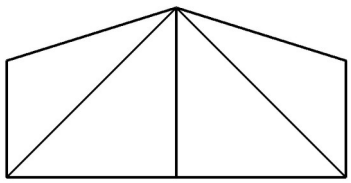

Câu 5. Cho phép chia 789 : 7. Số dư của phép chia là: (0,5 điểm)

A. 3 **B.** 4 **C.** 5 **D.** 6

II. Tự luận: (7 điểm)

Câu 6. Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

a. 345 + 228 b. 465 - 259 c. 295 × 3 d. 468 : 4

……
……
……
……
……

Câu 7. Tìm x biết: (2 điểm)

a. 315 + x = 981 : 3 b. x : 3 = 350 - 21

……
……

……
……
……

Câu 8. Có 45 học sinh xếp đều vào 5 hàng. Hỏi có 225 học sinh thì xếp được vào bao nhiêu hàng như thế? (2 điểm)

……
……
……
……
……
……

Câu 9. Điền số thích hợp vào dấu *: (1 điểm)

$$\begin{array}{rr} & *25 \\ \times & 3 \\ \hline & 6** \end{array}$$

……
……
……
……

ĐỀ 14	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: (3,5 điểm)

Câu 1. Kết quả của phép tính 657 : 9 là: (1 điểm)

A. 73 **B.** 13 **C.** 63 **D.** 53

Câu 2. Một hình vuông có độ dài một cạnh là 35cm. Chu vi của hình vuông đó là: (1 điểm)

A. 70cm **B.** 140dm **C.** 70dm **D.** 140cm

Câu 3. 4km 3hm = …..dam. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: (0,5 điểm)

A. 43 **B.** 403 **C.** 430 **D.** 34

Câu 4. Hình vẽ sau có …. hình tứ giác. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: (1 điểm)

A. 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

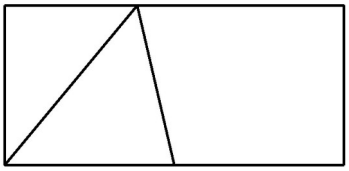

Câu 5. Phép chia 563 : 5 có số dư là:

A. 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

Câu 6. 231 : x = 51 - 48. Giá trị của x là:

A. 639 **B.** 693 **C.** 77 **D.** 58

II. Tự luận: (6 điểm)

Câu 7. Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

a. 456 + 127 b. 485 - 138 c. 104 × 7 d. 549 : 4

……
……
……
……
……

Câu 8. Tìm x biết: (2 điểm)

a. 634 - x = 327 : 3 b. x : 7 = 24 (dư 2)

……

……
……
……
……

Câu 9. Lớp 3A có 54 học sinh. Cô giáo cử $\frac{1}{9}$ số học sinh của lớp đi thi học sinh giỏi. Hỏi lớp còn bao nhiêu bạn không đi thi học sinh giỏi? (2 điểm)

……
……
……
……
……
……

Câu 10. Tìm số có ba chữ số biết lấy số đó nhân cho 3 rồi cộng với 8 ta được kết quả bằng 593.

……
……
……
……
……

ĐỀ 15	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm:

Câu 1. Kết quả của phép tính 54hm : 6 + 13hm = …..:

A. 21 **B.** 21hm **C.** 22 **D.** 22hm

Câu 2. Nhà Hoa có 5 chuồng gà, mỗi chuồng có 9 con gà. Hôm nay nhà Hoa bán đi $\frac{1}{9}$ số gà. Hỏi nhà Hoa hôm nay bán đi bao nhiêu con gà?

A. 5 con gà **B.** 9 con gà **C.** 45 con gà **D.** 405 con gà

Câu 3. Tích của hai số là 112, biết thừa số thứ nhất là 4. Thừa số thứ hai là:

A. 13 **B.** 28 **C.** 3 **D.** 30

Câu 4. Số tròn chục nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau là:

A. 100 **B.** 101 **C.** 102 **D.** 120

Câu 5. Hình dưới đây có số hình tứ giác là:

A. 6 **B.** 7 **C.** 9 **D.** 8

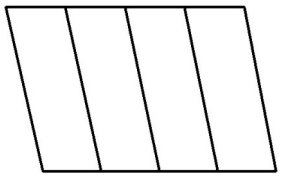

Câu 6. Trong đợt Kế hoạch nhỏ, lớp 3A thu được 21kg giấy vụn, lớp 3B thu được số giấy vụn gấp 3 lần số giấy vụn của lớp 3**A.** Cả hai lớp thu được số ki-lô-gam giấy vụn là:

A. 61kg **B.** 63kg **C.** 82kg **D.** 84kg

II. Tự luận:

Câu 7. Đặt tính rồi tính:

a. 496 + 249 b. 144 - 99 c. 174 : 3 d. 665 : 7

……
……
……
……
……

Câu 8. Tìm x biết:

a. 345 : x = 132 - 127

b. x - 123 = 235 : 5

……
……
……
……
……

Câu 9. Lớp 3A và 3B có tổng cộng 99 học sinh, lớp 3A có số học sinh bằng $\frac{1}{3}$ tổng số học sinh của 2 lớp. Tính số học sinh của lớp 3B?

Bài giải:

……
……
……
……
……
……

Câu 10. Điền +, -, ×, : vào ô trống sao cho thích hợp:

12 □ 9 □ 8 = 100

……
……
……
……

ĐỀ 16	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: (3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Câu 1. Kết quả của phép tính: 317 × 2 là:

A. 624 **B.** 634 **C.** 324 **D.** 614

Câu 2. Kết quả của phép tính: 396 : 9 là:

A. 31 **B.** 24 **C.** 34 **D.** 44

Câu 3. 6m 40cm = …….cm. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

A. 604 **B.** 64 **C.** 406 **D.** 640

Câu 4. Một hình vuông có cạnh bằng 9cm. Chu vi hình vuông đó là:

A. 36cm **B.** 18cm **C.** 9cm **D.** 72cm

Câu 5. Một phép chia có số dư lớn nhất là 8. Số chia là:

A. 7 **B.** 9 **C.** 12 **D.** 18

Câu 6. Biểu thức 210 + 10 × 3 có giá trị là:

A. 240 **B.** 660 **C.** 550 **D.** 313

II. Tự luận: (7 điểm)

Câu 7. Tìm x: (2 điểm)

a. 324 : x = 2 b. 9 × x = 513

.....

.....

.....

Câu 8. Dựa vào tóm tắt sau, em hãy giải bài toán: (2 điểm)

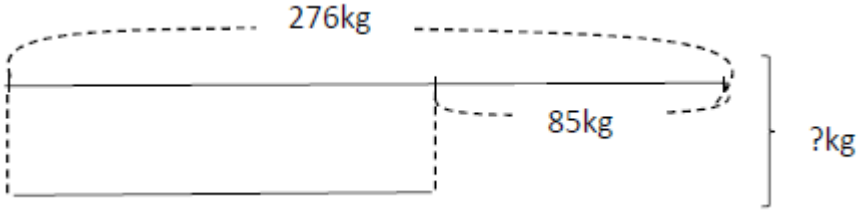

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Một thùng đựng 64 lít nước. Người ta đã lấy ra $\frac{1}{8}$ số lít nước. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít nước? (2 điểm)

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

Câu 10. (1 điểm) Hình bên có:

- ……. hình tam giác.
- ……. hình tứ giác.

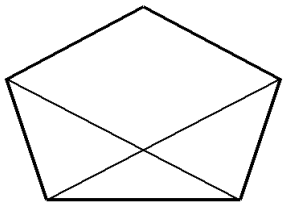

ĐỀ 17	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: Hãy khoanh tròn vào chữ cái A, B, C, D đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Số 907 được đọc là:

A. Chín bảy

B. Chín trăm linh bảy

C. Chín mươi bảy

D. bảy trăm linh chín

Câu 2. Số 17 gấp 3 lần là:

A. 51 **B.** 37 **C.** 31 **D.** 317

Câu 3. Giá trị biểu thức: 153 : 9 – 96 : 8 là:

A. **B.** 655 **C.** 15 **D.** 5

Câu 4. Số hình chữ nhật trong hình vẽ là:

A. 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

Câu 5. 8kg = …g. Điền vào chỗ chấm?

A. 8000 **B.** 80 **C.** 800 **D.** 8

Câu 6. Cạnh của hình vuông biết chu vi bằng 24cm là:

A. 12cm **B.** 6cm **C.** 3cm **D.** 1cm

II. Tự luận:

Câu 7. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

a) 6hm9dam = ……dam **b)** 3hm4dam – 1hm5dam = ….dam

Câu 8. Tính:

a. 356 + 118 b. 985 – 237 c. 256 × 3 d. 453 : 3

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 9. Tìm x:

a. x : 101 = 8 b. x × 8 = 896

.....
.....
.....
.....

Câu 10. Anh có 69 viên bi, số bi của em bằng $\frac{1}{3}$ số bi của anh. Hỏi cả hai anh em có bao nhiêu viên bi?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 11. Hình bên có:

a. ….. hình tam giác.

b. ….. hình chữ nhật.

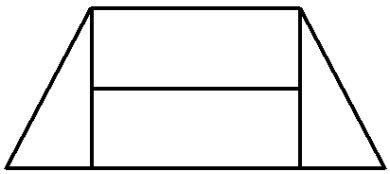

ĐỀ 18	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Kết quả của phép tính: 349 × 2 là:

A. 688 **B.** 698 **C.** 689 **D.** 886

Câu 2. 36 học sinh xếp thành 4 hàng. 126 học sinh sẽ xếp được số hàng là:

A. 22 **B.** 14 **C.** 18 **D.** 16

Câu 3. Cho dãy số 7; 10; 13; 16; 19; …; …; … Các số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 20; 23; 26 **B.** 22; 25; 29

C. 22; 24; 27 **D.** 22; 25; 28

Câu 4. Chu vi của hình sau là:

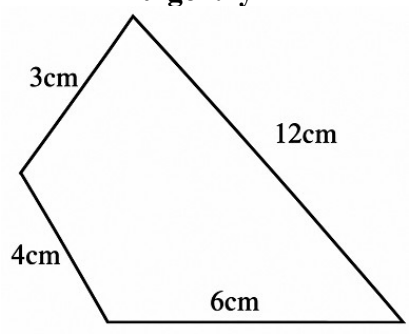

A. 15cm **B.** 12cm **C.** 25cm **D.** 36cm

Câu 5. Kết quả của phép tính 48 : 4 × 2 là:

A. 24 **B.** 6 **C.** 14 **D.** 20

Câu 6. Lớp 3A có 40 học sinh. $\frac{1}{5}$ số học sinh của lớp là:

A. 200 học sinh **B.** 5 học sinh

C. 8 học sinh **D.** 6 học sinh

II. Tự luận.

Câu 7. Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

a. 345 + 569 b. 567 – 129 c. 67 × 9 d. 68 : 8

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 8. Thực hiện phép tính: (1 điểm)

a. 345 : 5 + 234 = b. 2 × 345 – 323 =

.....
.....
.....
.....

Câu 9. Tìm x: (1 điểm)

a. x : 8 = 48 : 4 b. 234 – x = 422 : 2

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Lớp 3A có 34 học sinh. Lớp 3B có ít hơn lớp 3A 9 học sinh. Hỏi cả hai lớp có bao nhiêu học sinh? (2 điểm)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11. Tính (1 điểm)

100 – 98 + 96 – 94 + 92 – 90 + ... + 52 – 50

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 19	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: Chọn câu trả lời đúng:

Câu 1. 2m40dm = …cm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 240 **B.** 24 **C.** 60 **D.** 600

Câu 2. Giá trị của biểu thức 15 + 45 : 5 là:

A. 12 **B.** 24 **C.** 14 **D.** 22

Câu 3. $\frac{1}{7}$ của 49 là:

A. 7 **B.** 343 **C.** 243 **D.** 253

Câu 4. Lan ngủ từ 10h tối đến 6 giờ sáng. Lan ngủ số giờ là:

A. 6 giờ **B.** 7 giờ **C.** 8 giờ **D.** 10 giờ

Câu 5. Hiệu của số nhỏ nhất có 3 chữ số và 27 là:

A. 53 **B.** 63 **C.** 73 **D.** 77

Câu 6. Nhà Lan nuôi 36 con gà, số con vịt bằng $\frac{1}{3}$ số con gà. Vậy nhà Lan nuôi tất cả số con gà và vịt là:

A. 48 con **B.** 12 con **C.** 24 con **D.** 36 con

II. Tự luận:

Câu 7. Thực hiện phép tính:

a. 345 + 245 b. 921 – 197 c. 104 × 9 d. 986 : 9

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Tìm x:

a. 469 – x = 123 b. x : 7 = 108 + 29

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Cô giáo có 55 quyển sách. Sau khi thưởng cho các bạn học sinh giỏi, số quyển sách còn lại bằng $\frac{1}{5}$ số sách ban đầu. Hỏi cô đã thưởng cho các bạn học sinh giỏi bao nhiêu quyển sách?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Ngày 18 tháng 3 là thứ ba. Hỏi ngày 27 tháng 3 cùng năm đó là thứ mấy?

.....

.....

.....

.....

Câu 11. Hình sau có:

….. hình tam giác,

….. hình tứ giác

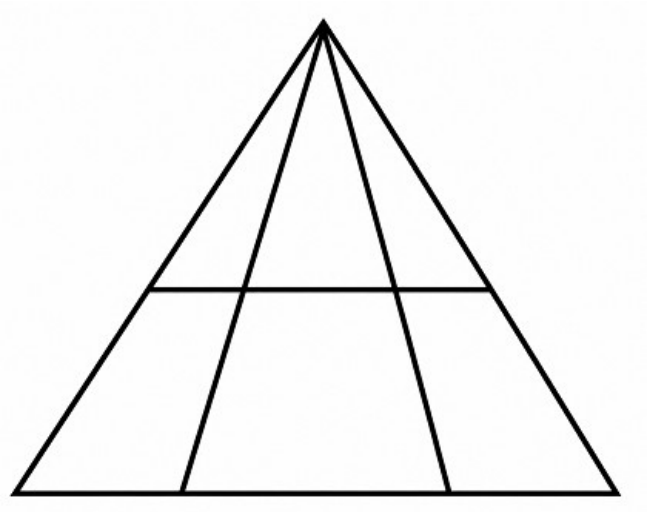

ĐỀ 20	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm:

Câu 1. Giá trị của phép tính 109 × 8 là:

A. 802 **B.** 872 **C.** 852 **D.** 882

Câu 2. 136 + 497 … 584 + 34. Dấu cần điền vào chỗ chấm là:

A. > **B.** < **C.** =

Câu 3. $\frac{1}{6}$ của 42kg thêm 4kg thì được:

A. 7kg **B.** 11kg **C.** 3kg **D.** 28kg

Câu 4. Số lẻ liền trước của số nhỏ nhất có 3 chữ số là:

A. 99 **B.** 100 **C.** 101 **D.** 103

Câu 5. Giá trị của biểu thức: 48 : 4 × 6 là:

A. 12 **B.** 36 **C.** 2 **D.** 72

Câu 6. Một sợi dây dài 3m5dm. An cắt một đoạn dây dài bằng $\frac{1}{5}$ độ dài sợi dây đó. Độ dài đoạn dây An đã cắt là:

A. 7m **B.** 61dm **C.** 7dm **D.** 6dm

II. Tự luận:

Câu 7. Đặt tính rồi tính:

a. 356 + 188 b. 125 × 7 c. 988 : 4

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Tìm a biết:

a. a : 6 = 73 b. 456 – a = 783 : 9

.....

.....
.....
.....
.....

Câu 9. Lớp 3A có 36 bạn. Đội văn nghệ của nhà trường đã chọn $\frac{1}{4}$ số học sinh của lớp 3A tham gia vào đội. Hỏi còn có bao nhiêu học sinh của lớp 3A không tham gia vào đội văn nghệ của nhà trường?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 10. Tìm số tự nhiên biết rằng nếu lấy $\frac{1}{3}$ số đó cộng với 24 thì được kết quả là 51.

.....
.....
.....
.....

Câu 11. Hình vẽ sau có bao nhiêu góc vuông?

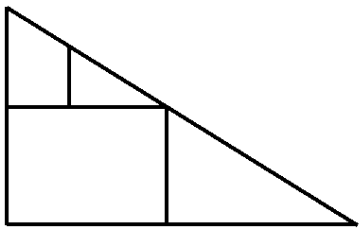

.....
.....
.....